

Số: 351/QĐ-BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2013

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **PHÊ DUYỆT “QUY HOẠCH THỦY LỢI CHỐNG NGẬP ÚNG THÀNH PHỐ CÀ MAU”**

#### **BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-BNN-KH ngày 20/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý quy hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;*

*Xét văn bản góp ý số 1841/UBND-XD ngày 25/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;*

*Xét tờ trình số 948/TTr-VKHTLMN ngày 24 tháng 07 năm 2012 kèm theo hồ sơ dự án “Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cà Mau” của Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam lập;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cà Mau với các nội dung chính sau:

### **I. Phạm vi vùng quy hoạch**

Thành phố Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế của tỉnh Cà Mau và là khu vực an ninh quốc phòng vùng bán đảo Cà Mau; bên cạnh đó, thành phố Cà Mau còn là một trong bốn đô thị động lực thuộc vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long. Diện tích tự nhiên thành phố khoảng 25.000 ha, dân số khoảng 205.000 người.

Quy hoạch tập trung phân nội đô thành phố với diện tích khoảng 14.800 ha và được chia làm 6 ô bao (chi tiết theo phụ lục I); vùng ngoại ô chủ yếu là diện tích đất nông nghiệp và là phần đất dự trữ phát triển của thành phố (khoảng 10.200ha) trong tương lai.

### **II. Mục tiêu quy hoạch**

Nghiên cứu, đề xuất được các giải pháp thủy lợi để giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng trên địa bàn nội đô thành phố Cà Mau hiện nay và trong tương lai; chủ động thích ứng, đối

phó với biến đổi khí hậu - nước biển dâng ngày càng phức tạp; góp phần cải tạo môi trường thành phố, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình chống ngập úng cho thành phố đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

### **III. Phương án quy hoạch**

#### **1. Tiêu chuẩn tiêu thoát nước**

Vùng đô thị: Thời đoạn mưa thiết kế 180 phút, lượng mưa thiết kế với tần suất 10%, tại trạm Cà Mau.

Vùng nông nghiệp: Mưa 3 ngày lớn nhất, tiêu 5 ngày, tần suất 10%, tại trạm Cà Mau.

Tổ hợp thiết kế tính toán chọn: Triều 10%, lũ thiết kế 10%.

Tính toán ứng phó với nước biển dâng theo kịch bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành.

#### **2. Tiêu thoát nước cho khu vực thành phố, khu đô thị và công nghiệp**

##### **2.1. Giải pháp công trình**

Nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước cho thành phố Cà Mau, đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu tiêu thoát cho thành phố có xem xét biến đổi khí hậu - nước biển dâng.

Nâng cấp và xây dựng hệ thống đê bao, bờ bao chống tràn.

Lắp đặt các cửa van clape tự động tại các cửa xả để ngăn cản triều cường.

Nạo vét, nâng cấp mở rộng các kênh trục, cấp I, cấp II.

Xây dựng các trạm bơm tiêu hỗ trợ khi xảy ra mưa lớn trùng với thời gian triều cường.

Xây dựng hệ thống cống tại các cửa sông để ngăn triều cường từ xa truyền vào cho thành phố Cà Mau.

##### **2.2. Giải pháp phi công trình**

Nghiên cứu, xây dựng quy trình vận hành các công trình chống ngập trên địa bàn thành phố.

Tạo vùng đệm, vùng đất ngập nước nhằm trữ nước mưa, giảm hình thành dòng chảy mặt, hạn chế tình trạng ngập úng cục bộ do mưa thời đoạn ngắn, giảm tải cho hệ thống thoát nước của thành phố.

Thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo khí tượng, thủy văn; công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi phục vụ chống ngập úng cho thành phố.

Rà soát, chủ động di dời dân cư đang sinh sống ở khu vực ven sông, kênh rạch có nguy cơ sạt lở cao.

#### **3. Tiêu nước cho đất trồng lúa**

Nạo vét hệ thống kênh, rạch, củng cố hệ thống đê bao, bờ bao, cống bọng và thực hiện quy trình vận hành hợp lý nhằm đảm bảo tiêu tự chảy cho diện tích đất trồng lúa.

Bố trí các trạm bơm phục vụ tiêu thoát khi cần thiết.

#### **4. Tiêu nước cho vườn cây ăn trái**

Vườn cây ăn trái được bao ô theo hệ thống kênh, rạch tự nhiên và thường trồng theo từng liếp, tại mỗi cửa lấy nước của từng gia đình có lắp cống đóng mở hai chiều. Mùa mưa, các cống phần lớn được đóng khi triều lên và mở ra khi triều xuống. Phần ngập lũ không có khả năng tiêu tự chảy sẽ được giải quyết bằng bơm với quy mô vừa và nhỏ.

Hệ thống bờ bao có thể kết hợp làm đường giao thông nông thôn.

#### **5. Tiêu, thay nước cho nuôi trồng thủy sản**

Quy mô công nghiệp: Hệ thống ao nuôi sẽ được bố trí theo kiểu liên hoàn gồm ao xử lý sơ bộ, ao nuôi chính và ao chứa nước thải. Giải pháp tiêu chủ yếu là sử dụng các trạm bơm.

Nuôi thủy sản trên ruộng: Giải pháp tiêu là tự chảy, kết hợp bơm tiêu. Hệ thống kênh lấy nước, kênh tiêu nước phải bố trí riêng biệt và có các cống kiểm soát, điều tiết.

### **IV. Kinh phí và trình tự thực hiện quy hoạch**

#### **1. Giai đoạn đến năm 2020**

Tập trung hoàn chỉnh hệ thống công trình phần nội đô, trung tâm thành phố Cà Mau với diện tích khoảng 15.000 ha theo 6 ô thủy lợi để chống ngập cho thành phố, cụ thể:

Nâng cấp và xây dựng 119,7 km bờ bao chống tràn dọc theo các trục tiêu chính gồm: sông Cà Mau, kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu, kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp, sông Gành Hào, sông Đốc, Rạch Rập, kênh xáng Lương Thế Trân, đường vành đai số 3.

Xây dựng 11,3 km kè chống tràn kết hợp chỉnh trang đô thị tại khu vực trung tâm thành phố.

Xây dựng 16 cống tiêu tại các ô bao, cụ thể ô bao số 1 (3 cống); ô bao số 2 (5 cống); ô bao số 3 (2 cống); ô bao số 5 (4 cống), ô bao số 6 (2 cống).

Nạo vét 35,2 km kênh rạch các cấp.

Xây dựng 4 trạm bơm tại các ô bao số 1, 2, 3, 4 gồm 15 tổ máy với tổng công suất 148.000 m<sup>3</sup>/h.

Xây dựng 13 hồ điều hòa (theo quy hoạch xây dựng thành phố) tại các ô bao.

Lắp đặt 160 cửa van hai chiều tự động (clape) cho các cửa xả hiện tại và theo quy hoạch, (chi tiết xem phụ lục II)

Nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước mưa đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu tiêu thoát của thành phố (đã được UBND tỉnh Cà Mau phê duyệt tại Quyết định số [1264/QĐ-UBND ngày 08/09/2008](#) và sử dụng nguồn vốn ODA).

## 2. Giai đoạn sau năm 2020

Cùng với các hệ thống đê biển thuộc các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, nghiên cứu xem xét xây dựng theo thứ tự ưu tiên các công dưới đê, cụ thể: công Cái Đôi Vàm; công, âu thuyền Sông Đốc; công, âu thuyền Bảy Háp; công, âu thuyền Vàm Đầm; công Cây Toàn; công, âu Gành Hào; công, âu Nhà Mát; công, âu Mỹ Thanh, tạo thành hệ thống khép kín từ sông Cái Lớn - Cái Bé đến sông Mỹ Thanh, để ngăn triều từ xa và ứng phó với nước biển dâng trong tương lai cho tỉnh Cà Mau nói riêng và toàn vùng bán đảo Cà Mau nói chung. Quy mô các công chi tiết theo bảng dưới:

TT	Tên công	Cao trình đáy công (m)	Khẩu độ công (m)
1	Công Cái Đôi Vàm	-4,0	25
2	Công, âu thuyền Sông Đốc	-5,0	100
3	Công, âu thuyền Bảy Háp	-4,0	60
4	Công, âu thuyền Vàm Đầm	-5,5	50
5	Công Cây Toàn	-4,5	40
6	Công, âu thuyền Gành Hào	-10,0	160
7	Công, âu thuyền Nhà Mát	-5,0	30
8	Công, âu thuyền Mỹ Thanh	-8,5	50

## 3. Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn

Tổng kinh phí đầu tư thực hiện Quy hoạch giai đoạn đến năm 2020 khoảng 1.350 tỷ đồng (không bao gồm chi phí san nền, thoát nước mưa đã được UBND tỉnh phê duyệt và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng). Sau năm 2020, tùy điều kiện nguồn lực, xem xét đầu tư xây dựng các công trình công dưới hệ thống đê biển.

Nguồn vốn đầu tư: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và các nguồn vốn hợp pháp khác.

### Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quản lý, giám sát việc thực hiện quy hoạch trên phạm vi địa bàn Thành phố; chỉ đạo, tổ chức xử lý, giải tỏa các công trình xâm hại, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định của Pháp luật; lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng các hạng mục công trình chống ngập úng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi, Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình, Viện trưởng Viện Khoa học Thủy lợi Miền Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- UBND thành phố Cà Mau;
- Sở NN và PTNT thành phố Cà Mau;
- Lưu VT, TCTL.

**Hoàng Văn Thắng**

## **PHỤ LỤC**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH QUY HOẠCH THỦY LỢI CHỐNG NGẬP ÚNG THÀNH PHỐ CÀ MAU**  
(Kèm theo Quyết định số **351/QĐ-BNN-TCTL** ngày 25 tháng 02 năm 2013)

### **PHỤ LỤC I**

#### **PHẠM VI RANH GIỚI CÁC Ô BAO CỦA THÀNH PHỐ**

<b>T</b>	<b>Tên ô bao</b>	<b>Phạm vi ranh giới</b>	<b>Diện tích (ha)</b>
1	Ô bao số 1	Là khu vực phía Đông Bắc thành phố từ kênh Xáng Quán Lộ - Phụng Hiệp đến Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu; thuộc các phường 5, 6, 7, phường Tân Thành và một phần xã Tân Thành.	1.700

2	Ô bao số 2	Giới hạn bởi đường vành đai số 3, sông Bạch Ngưu sông Tắc Thủ, Kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp; thuộc các phường 1,2,4,9, phường và một phần xã An Xuyên.	3.350
3	Ô bao số 3	Là khu vực phía Nam thành phố, giới hạn bởi sông Rạch Rập, sông Gành Hào, kênh xáng Lương Thế Trân; thuộc phường 8 và xã Lý Văn Lâm.	1.500
4	Ô bao số 4	Là khu vực phía Đông Nam thành phố từ kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu đến sông Gành Hào; thuộc phường 6, 7 và một phần xã Hòa Thành.	1.550
5	Ô bao số 5	Là khu vực phía Tây Nam thành phố, giới hạn bởi kênh Rạch rập, sông Tắc Thủ, sông Ông Đốc và kênh Lương Thế Trân; thuộc địa phận xã Lý Văn Lâm.	2.800
6	Ô bao số 6	Là khu vực phía Tây Bắc thành phố, giới hạn bởi sông Ông Đốc, đường vành đai số 3, sông Bạch Ngưu và sông Tắc Thủ.	3.900

## PHỤ LỤC II

### TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2020

#### 1. Hệ thống đê bao chống tràn.

T	Tuyến đê bao	Cao trình đỉnh (m)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Ước vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu	1,80	13.880	6,0	7
2	Sông Tắc Thủ - Sông Cà Mau	1,80	13.560	6,0	7
3	Sông Gành Hào	1,90	12.760	6,0	9
4	Kênh Lương Thế Trân	1,90	9.900	6,0	7

5	Sông Đốc	1,90	3.600	6,0	3
6	Sông Trẹm - Sông Đốc	1,70	9.200	6,0	5
7	Bạch Ngưu	1,70	11.200	6,0	6
8	Kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp	1,80	8.500	6,0	4
9	Kênh Rạch Rập	1,90	10.400	6,0	7
10	Đường vành đai số 3	1,80	26.700	6,0	17
	<b>Tổng cộng</b>		<b>119.700</b>		<b>72</b>

## 2. Hệ thống kè chống tràn kết hợp chỉnh trang đô thị thành phố.

T	Tuyến kè	Cao trình đỉnh (m)	Chiều dài (m)	Địa điểm	Ước vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Đường Phan Bội Châu	1,80	1.100	Đầu nối với tuyến kè cũ, xây dựng đoạn kè mới cho đến cầu Huỳnh Thúc Kháng.	44
2	Đường Lê Lợi - Lý Văn Lâm	1,80	4.300	Đầu nối với tuyến kè cũ, xây dựng đoạn kè mới cho đến bến Tàu A.	171
3	Đường Quang Trung Phường 5	1,80	3.600	Đầu nối với tuyến kè cũ, xây dựng đoạn kè mới cho đến hết ranh giới khu đô thị Đông Bắc.	143
4	Đường Phạm Văn Ký	1,80	2.300	Đầu nối với tuyến kè cũ, xây dựng đoạn kè mới cho đến hết đường Phạm Văn Ký.	91
	<b>Tổng cộng</b>		<b>11.300</b>		<b>449</b>

### 3. Hệ thống cống tại các ô bao

TT	Tên công trình	Khẩu độ B (m)	Cao trình đáy cống (m)	Ước vốn đầu tư (tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Ô bao số 1</b>			
1	Cống Hồ Vân Thủy	3,00	-1,5	9
2	Cống Rạch Bà Beo 1	5,00	-2,0	17
3	Cống Rạch Bà Beo 2	5,00	-2,0	17
<b>II</b>	<b>Ô bao số 2</b>			
1	Cống Thống Nhất 1	7,50	-2,5	26
2	Cống Thống Nhất 2	7,50	-2,5	26
3	Cống Kênh Mới 1	5,00	-2,0	17
4	Cống Kênh Mới 2	5,00	-2,0	17
5	Cống Sông Cũ	5,00	-2,0	17
<b>III</b>	<b>Ô bao số 3</b>			
1	Cống Bà Điều	5,00	-2,0	17
2	Cống Chòi Ngói	5,00	-2,0	17
<b>IV</b>	<b>Ô bao số 5</b>			
1	Cống Ông Muộn	7,50	-2,5	26
2	Cống Bà Cai Di	7,50	-2,5	26
3	Cống hồ điều hòa 1	3,00	-1,5	9
4	Cống hồ điều hòa 2	3,00	-1,5	9
<b>V</b>	<b>Ô bao số 6</b>			



1	Cống Rạch Bần 1	7,50	-2,5	26
2	Cống Rạch Bần 2	7,50	-1,5	26
<b>VI</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>89,0</b>		<b>302</b>

#### 4. Nạo vét mở rộng kênh mương các cấp.

TT	Sông, kênh	Chiều dài (m)	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Ước vốn (tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Kênh cấp I</b>	<b>30.100</b>	<b>2.315.000</b>	<b>61</b>
1	Rạch Bần	5.500	450.000	12
2	Kênh Thống Nhất	8.600	760.000	20
3	Kênh Mới	6.700	470.000	13
4	Rạch Bà Đào (Cả Nhúc)	4.800	315.000	8
5	Rạch Ông Muộn - Bà Cai Di	4.500	320.000	8
<b>II</b>	<b>Kênh cấp II</b>	<b>4.300</b>	<b>100.000</b>	<b>5</b>
1	Rạch Chòi Ngói - Bà Điều	4.300	100.000	5
<b>Tổng</b>		<b>35.200</b>	<b>2.415.000</b>	<b>66</b>

#### 5. Các trạm bơm tiêu nước cần xây dựng.

T	Tên trạm bơm	Số trạm bơm	Số tổ máy 8.000 (m <sup>3</sup> /h)	Số tổ máy 10.000 (m <sup>3</sup> /h)	Ước vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	Ô bao số 1	1	1	4	97
2	Ô bao số 2	1		5	101
3	Ô bao số 3	1		2	41
4	Ô bao số 4	1		3	61
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>14</b>	<b>300</b>

## 6. Các hồ điều hòa cần xây dựng.

T	Công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Dung tích hữu ích (m <sup>3</sup> )	Ước vốn đầu tư (tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Ô bao số 1</b>	<b>879.000</b>	<b>966.000</b>	<b>31</b>
1	Hồ điều hòa 1 -	391.000	430.000	14
2	Hồ điều hòa 2 - Phường Tân Thành	488.000	536.000	17
<b>II</b>	<b>Ô bao số 2</b>	<b>566.000</b>	<b>622.000</b>	<b>22</b>
1	Hồ điều hòa - Phường 4	65.000	71.000	4
2	Hồ điều hòa - Phường 9	501.000	551.000	18
<b>II</b>	<b>Ô bao số 3</b>	<b>514.000</b>	<b>565.000</b>	<b>18</b>
1	Hồ điều hòa 1 - Phường 8	290.000	318.000	10
2	Hồ điều hòa 2 - Phường 8	224.000	247.000	8
<b>I</b>	<b>Ô bao số 4</b>	<b>201.000</b>	<b>222.000</b>	<b>7</b>
1	Hồ điều hòa xã Hoà Thành	201.000	222.000	7
<b>V</b>	<b>Ô bao số 5</b>	<b>783.000</b>	<b>861.997</b>	<b>30</b>
1	Hồ điều hòa 1 - xã Lý Vân Lâm	233.000	257.000	8
2	Hồ điều hòa 2 - xã Lý Vân Lâm	218.000	240.000	8
3	Hồ điều hòa 3 - xã Lý Vân Lâm	110.000	122.000	6
4	Hồ điều hòa 4 - xã Lý Vân Lâm	222.000	244.000	8

<b>V</b> <b>I</b>	<b>Ô bao số 6</b>	<b>196.000</b>	<b>215.000</b>	<b>10</b>
1	Hồ điều hòa 1 - xã Hồ Thị Kỷ	80.000	88.000	4
2	Hồ điều hòa 2 - xã Hồ Thị Kỷ	116.000	127.000	6
<b>V</b> <b>II</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.139.000</b>	<b>3.453.000</b>	<b>118</b>

### 7. Các cửa van Clape cần xây dựng.

Hạng mục	Số lượng (cái)	Chiều rộng cửa (m)	Ước vốn đầu tư (tỷ đồng)
Cửa van Clape	160	223	44

### 8. Chi phí san nền thoát nước mưa

Chi phí san nền, thoát nước mưa đã được UBND Tỉnh Cà Mau phê duyệt tại quyết định số [1264/QĐ-UBND ngày 08/09/2008](#), sử dụng nguồn vốn ODA.